

SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BV PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28 /BV- KD

Vị Xuyên, ngày 28 tháng 03 năm 2023

V/v mời báo giá các vật tư y tế, hóa chất và sinh phẩm y tế phục vụ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng VTYT, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế năm 2023-2024

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh vật tư y tế, hóa chất
xét nghiệm và sinh phẩm y tế

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế về việc quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết sử dụng vốn nhà nước để mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị trực thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính v/v sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính;

Căn cứ công văn số 589/SYT-NVD ngày 27/03/2023 của Sở Y tế Hà Giang về việc cho chủ trương đấu thầu mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế năm 2023-2024;

Bệnh viện phục hồi chức năng Hà Giang đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế năm 2023-2024 để sử dụng tại bệnh viện (*có phụ lục kèm theo*). Để có căn cứ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Bệnh viện đề nghị các công ty cung cấp báo giá của các hàng hóa trên (*theo mẫu báo giá kèm theo*).

- Thời gian báo giá: Giờ hành chính các ngày làm việc từ ngày 28/03/2023 đến hết ngày chậm nhất ngày 10/04/2023

- Hình thức nhận báo giá:

Báo giá bằng văn bản, có chữ ký, họ tên, chức danh của người đại diện và đóng dấu công ty gửi về địa chỉ: Khoa Dược – Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Hà Giang, thôn Vạt, xã Việt Lâm, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Điện thoại: 0819.505.989

Đồng thời gửi bản file mềm báo giá và các tài liệu liên quan (nếu có, như bản scan các quyết định trúng thầu, danh mục các địa chỉ tra cứu thông tin...) vào địa chỉ email khoaduocbvphcnhg@gmail.com

Rất mong nhận được sự tham gia từ phía các công ty. Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Website SYT, website BV;
- BGĐ;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hải Yến

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM, HÓA CHẤT KHÁC VÀ SINH PHẨM Y TẾ MUA SẴM NĂM 2023-2024

(Kèm Công văn số 28 /BVKD ngày 28 /03/2023 của Bệnh viện PHCN)

STT	Mã HH	Mã theo TT04/2017	Tên vật tư y tế/hóa chất/sinh phẩm y tế	Đơn vị tính	Ghi chú
I		Vật tư y tế			
		N01.00.000	Nhóm 1. Băng, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương		
		N01.01.000	1.1 Băng		
		N01.01.010	Băng (gòn), băng tẩm dung dịch các loại, các cỡ		
1	VTYT01	N01.01.020	Băng hút Y tế	Kg	
		N02.00.000	Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương		
		N02.01.000	2.1 Băng		
		N02.01.010	Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ		
2	VTYT02	N02.01.010	Băng bó Bột cỡ 10cm x 2,7m	Cuộn	
		N02.02.000	2.2 Băng dính		
		N02.03.000	2.3 Gạc, băng gạc điều trị các vết thương		
		N02.03.020	Gạc các loại, các cỡ		
3	VTYT03	N02.03.030	Gạc hút y tế khổ 0.8m	Mét	
		N03.00.000	Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh		
		N03.01.000	3.1 Bơm tiêm		
		N03.01.010	Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh các loại, các cỡ		
4	VTYT04	N03.01.010	Bơm cho ăn 50 ml	Cái	
		N03.01.070	Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ		
5	VTYT05	N03.01.070	Bơm tiêm 20ml	Cái	
6	VTYT06	N03.01.070	Bơm tiêm 10ml	Cái	
7	VTYT07	N03.01.070	Bơm tiêm 5ml	Cái	

STT	Mã HH	Mã theo TT04/2017	Tên vật tư y tế/hóa chất/sinh phẩm y tế	Đơn vị tính	Ghi chú
		N03.02.000	3.2 Kim tiêm		
		N03.02.010	Bút chích máu các loại, các cỡ		
		N03.02.020	Kim cánh bướm các loại, các cỡ		
8	VTYT08	N03.02.020	Kim cánh bướm	Cái	
		N03.02.070	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ		
9	VTYT09	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch các số	Cái	
		N03.03.000	3.3 Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác		
		N03.03.140	Kim laser nội mạch, đầu đốt, dây đốt, ống thông laser nội mạch các loại, các cỡ		
10	VTYT10	N03.03.140	Kim quang dùng cho máy Laser nội mạch	Cái	
		N03.04.000	3.4 Kim châm cứu		
		N03.04.010	Kim châm cứu các loại, các cỡ		
11	VTYT11	N03.04.010	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Cái	
		N03.05.000	3.5 Dây truyền, dây dẫn		
		N03.05.010	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm)		
12	VTYT12	N03.05.010	Bộ dây truyền dịch và kim cánh bướm	Bộ	
		N03.06.000	3.6 Găng tay		
		N03.06.030	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ		
13	VTYT13	N03.06.030	Găng tay khám bệnh các số	Đôi	
		N03.07.000	3.7 Túi, lọ và vật tư bao gói khác		
		N03.07.060	Túi, lọ, cát-sét (cassette) đựng hoặc đo lượng chất thải tiết, dịch xả các loại, các cỡ		
14	VTYT14	N03.07.060	Túi nước tiểu	Túi	
15	VTYT15	N03.07.060	Túi đựng rác thải màu đen	Kg	
16	VTYT16	N03.07.060	Túi đựng rác thải màu trắng	Kg	

STT	Mã HH	Mã theo TT04/2017	Tên vật tư y tế/hóa chất/sinh phẩm y tế	Đơn vị tính	Ghi chú
17	VTYT17	N03.07.060	Túi đựng rác thải màu vàng	Kg	
18	VTYT18	N03.07.060	Túi đựng rác thải màu xanh	Kg	
		N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ		
19	VTYT19	N03.07.070	Ống EDTA (Ống lưu máu kháng đông EDTA)	Cái	
20	VTYT20	N03.07.070	Ống nghiệm Heparin	Cái	
		N04.00.000	Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter		
		N04.01.000	4.1 Ống thông		
		N04.01.030	Ống nội khí quản sử dụng một lần các loại, các cỡ (bao gồm ống nội khí quản canlene)		
21	VTYT21	N04.01.030	Ống đặt nội khí quản các số	Cái	
		N04.01.090	Thông (sonde) các loại, các cỡ		
22	VTYT22	N04.01.090	Sonde cho ăn có nắp các cỡ	Cái	
		N04.02.000	4.2 Ống dẫn lưu, ống hút		
		N04.02.010	Bộ rửa dạ dày sử dụng một lần các loại, các cỡ		
		N04.02.020	Ống (sonde) rửa dạ dày các loại, các cỡ		
23	VTYT23	N04.02.020	Sonde dạ dày	Cái	
		N04.03.000	4.3 Ống nối, dây nối, chạc nối		
		N04.03.030	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ		
24	VTYT24	N04.03.030	Dây Oxy 2 nhánh NL + TE	Cái	
		N05.00.000	Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật		
		N05.01.000	5.1 Kim khâu		
		N05.02.000	5.2 Chỉ khâu		
		N05.02.030	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ		

STT	Mã HH	Mã theo TT04/2017	Tên vật tư y tế/hóa chất/sinh phẩm y tế	Đơn vị tính	Ghi chú
25	VTYT25	N05.02.030	Chỉ phẫu thuật Nylon đơn sợi các số	Sợi	
		N05.02.040	Chỉ khâu liền kim các loại, các cỡ		
26	VTYT26	N05.02.040	Chỉ khâu liền kim Chromic Catgut số 2/0 dài 70cm-75cm	Sợi	
27	VTYT27	N05.02.040	Chỉ khâu liền kim Chromic Catgut số 3/0 dài 70cm-75cm	Sợi	
		N06.00.000	Nhóm 6. Vật liệu thay thế, vật liệu cấy ghép nhân tạo		
		N07.00.000	Nhóm 7. Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa		
		N07.01.000	7.1 Tim mạch và X- quang can thiệp		
		N07.01.500	Phim X- quang các loại, các cỡ		
28	VTYT28	N07.01.500	Phim khô y tế cỡ 20x25 cm	Hộp	
		N07.02.000	7.2 Lọc máu, lọc màng bụng		
		N07.03.000	7.3 Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt		
		N07.04.000	7.4 Tiêu hóa		
		N07.05.000	7.5 Tiết niệu		
		N07.05.020	Bộ đặt dẫn lưu thận qua da các loại, các cỡ (bao gồm: Kim chọc, ống thông để nong, ống thông (sonde) J-J, ống thông để đặt dẫn lưu ra ngoài)		
29	VTYT29	N07.05.020	Sonde Foley 2 nhánh các số	Cái	
30	VTYT30	N07.05.020	Sonde tiểu	Cái	
		N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ		
31	VTYT31	N07.06.040	Kim cấy chỉ tiết trùng dùng một lần	Cái	
		N08.00.000	Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác		
		N08.00.310	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ		
32	VTYT32	N08.00.310	Mask khí dung NL+TE	Cái	

STT	Mã HH	Mã theo TT04/2017	Tên vật tư y tế/hóa chất/sinh phẩm y tế	Đơn vị tính	Ghi chú
		N09.00.000	Nhóm 9. Các loại vật tư y tế thay thế sử dụng trong một số thiết bị chẩn đoán, điều trị		
		N09.00.010	Bóng đèn hồng ngoại các loại, các cỡ		
33	VTYT33	N09.00.010	Bóng đèn hồng ngoại các loại, các cỡ	Cái	
		Vật tư y tế khác			
34	VTYT34		Băng chi thị hấp ướt	Cuộn	
35	VTYT35		Băng chi thị sấy khô	Cuộn	
36	VTYT36		Giấy điện tim 6 cần	Cuộn	
37	VTYT37		Huyết áp đồng hồ	Cái	
38	VTYT38		Ống nghe	Cái	
39	VTYT39		Khẩu trang y tế 3 lớp	Cái	
40	VTYT40		Hộp đựng kim tiêm y tế an toàn	Cái	
41	VTYT41		Dây garo cao su	Cái	
42	VTYT42		Ống nghiệm thủy tinh to	Cái	
43	VTYT43		Ống nghiệm thủy tinh nhỏ	Cái	
44	VTYT44		Ống nghiệm nhựa có nắp	Cái	
II		Hóa chất xét nghiệm			
		1. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học			
45	HCCN45		Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Can	
46	HCCN46		Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Can	
47	HCCN47		Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Can	
48	HCCN48		Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	Can	
		2. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa			

STT	Mã HH	Mã theo TT04/2017	Tên vật tư y tế/hóa chất/sinh phẩm y tế	Đơn vị tính	Ghi chú
49	HCXN49		Hóa chất định lượng Albumin	Hộp	
50	HCXN50		Hóa chất định lượng Cholesterol	Hộp	
51	HCXN51		Hóa chất định lượng Creatinine	Hộp	
52	HCXN52		Hóa chất định lượng Glucose	Hộp	
53	HCXN53		Hóa chất định lượng GOT	Hộp	
54	HCXN54		Hóa chất định lượng GPT	Hộp	
55	HCXN55		Hóa chất định lượng Total Protein	Hộp	
56	HCXN56		Hóa chất định lượng Triglycerides	Hộp	
57	HCXN57		Hóa chất định lượng Ure UV	Hộp	
58	HCXN58		Hóa chất định lượng Uric Acid	Hộp	
59	HCXN59		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa mức 3	Hộp	
60	HCXN60		Hóa chất định lượng Direct Bilirubin	Hộp	
61	HCXN61		Hóa chất định lượng Total Bilirubin	Hộp	
		3. Hóa chất vật tư dùng cho máy nước tiểu			
62	HCXN62		Que thử nước tiểu 10 thông số	Hộp	
III		Hóa chất sinh phẩm			
63	HCSP63		Sát khuẩn tay dùng trong y tế loại 01 lít	Chai	
64	HCSP64		Dầu Parafin vô khuẩn	Ống	
65	HCSP65		Parafin rắn (Nếu cục - hạt)	Kg	
66	HCSP66		Dung dịch Enzym làm sạch dụng cụ y tế bao gồm cả dụng cụ nội soi, sử dụng được cho cả máy rửa khử khuẩn	Can	

STT	Mã HH	Mã theo TT04/2017	Tên vật tư y tế/hóa chất/sinh phẩm y tế	Đơn vị tính	Ghi chú
67	HCSP67		Viên nén khử khuẩn các bề mặt cứng	Viên	
68	HCSP68		Dầu sả	Can	
69	HCSP69		Dầu parafin đồng nhất không tạp chất	Lít	
70	HCSP70		Gel siêu âm	Can	
71	HCSP71		Khí ÔXY bình (40 lít)	Bình	
72	HCSP72		Khí ÔXY bình (7 lít)	Bình	
73	HCSP73		Huyết thanh mẫu Anti A	Lọ	
74	HCSP74		Huyết thanh mẫu Anti B	Lọ	
75	HCSP75		Huyết thanh mẫu Anti AB	Lọ	
			Tổng cộng: 75 mặt hàng		

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm Công văn số 28 /BV-KD ngày 28 /03/2023 của Bên viện PHCN)

Công ty:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Email:.....

Mã số thuế:.....

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Hà Giang

Công tyxin gửi tới Bệnh viện bản báo giá các mặt hàng sau:

STT	Mã HH	Tên vật tư y tế/hóa chất/sinh phẩm y tế	Tên thương mại	Chủng loại(mo del)/ mã sản phẩm	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Phân nhóm theo TT14/ 2020	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá theo Nghị định 98		Ghi chú
												Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày/tháng/ năm, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai	
1	VTYT01															
2	VTYT02															
3	VTYT03															
4	VTYT04															
5	VTYT05															
6	VTYT06															
7	VTYT07															

STT	Mã HH	Tên vật tư y tế/hóa chất/sinh phẩm y tế	Tên thương mại	Chủng loại(mo del)/ mã sản phẩm	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Phân nhóm theo TT14/ 2020	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá theo Nghị định 98		Ghi chú
												Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày/tháng/năm, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai	
8	VTYT08															
9	VTYT09															
10	VTYT10															
11	VTYT11															
12	VTYT12															
																
		Tổng cộng: mặt hàng														

Ghi chú: Báo giá này có giá trị trong vòng..... ngày kể từ ngày ký./.

....., ngày tháng năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)